

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2020.

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thật.

2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Cao Thế Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 39/2020/TLST-DS, ngày 17 tháng 02 năm 2020 về: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị M – sinh năm 1987. Có mặt

Nơi cư trú: ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Cao Văn Kh, sinh năm 1981. Vắng mặt

Nơi cư trú: ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2020, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Trần Thị M như sau: Anh kết hôn với anh Cao Văn Kh vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 19/12/2007.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc được thời gian khoảng 09 năm sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Kh thay đổi tính tình thường xuyên về đánh đập chị M, không chịu làm ăn mà chỉ lo ăn nhậu. Anh chị đã ly thân từ tháng 7/2018. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân với nhau chị xét thấy

cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Văn Kh.

Thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Cao Minh S, sinh ngày 11/4/2004 và Cao Minh Tr, sinh ngày 04/7/2006. Cháu S hiện đã bỏ học đi làm xa với cha không rõ địa chỉ còn cháu Tr hiện nay đang ở với chị M.

Vợ chồng anh chị không có tài sản chung nên chị không yêu Tòa án cầu giải quyết.

Chị cam đoan vợ chồng không có tranh chấp nợ chung với ai nên không yêu cầu giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng chị ly hôn mà có người kiện vợ chồng chị đòi nợ chung thì chị hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Cao Văn Kh. Về con chung: Chị xin được nuôi con nhỏ là cháu Cao Minh Tr, sinh ngày 04/7/2006; con lớn Cao Minh S, sinh ngày 11/4/2004 đi theo cha nên chị đồng ý để anh Kh nuôi dưỡng, chị không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Cao Văn Kh đã được Tòa án thông báo tìm anh trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi anh có hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng anh Kh không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh Kh.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp của chị Trần Thị M và anh Cao Văn Kh là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Cao Văn Kh là bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ kiện, tuy nhiên hiện nay anh Cao Văn Kh vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân

sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Kh theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Cao Văn Kh kết hôn với nhau vào năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 147 ngày 19 tháng 12 năm 2007, như vậy hôn nhân của chị M và anh Kh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Dù hôn nhân của chị M và anh Kh là hôn nhân tự nguyện nhưng trước khi kết hôn anh chị chưa tìm hiểu kỹ cá tính của nhau vì vậy khi xác lập cuộc sống chung vợ chồng thì lại bộc lộ ra những cá tính không phù hợp, chị M cho rằng vợ chồng chị thường xuyên cãi nhau, anh Kh chỉ lo nhậu không lo làm ăn, đánh đập chị. Ngày 06/4/2020 và ngày 24/4/2020 Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng anh chị đoàn tụ nhưng anh Kh không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh Kh, tại phiên tòa chị M cương quyết xin ly hôn với anh Kh. Xét thấy vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau 02 năm, thời gian ly thân anh Kh cũng không lo lắng cho chị cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh Kh.

[4]. Về con chung: Chị M và anh Kh có 02 người con chung tên Cao Minh S, sinh ngày 11/4/2004 và Cao Minh Tr, sinh ngày 04/7/2006. Hiện cháu S hiện đã bỏ học đi làm xa với cha không rõ địa chỉ còn cháu Tr hiện nay đang ở với chị M. Chị M xin được quyền nuôi con nhỏ Cao Minh Tr và đồng ý giao con lớn Cao Minh S cho anh Kh nuôi dưỡng; anh Kh không có ý kiến nộp cho Tòa án. Tại biên bản ghi nhận nguyện vọng cháu Tr có ý kiến xin được sống với mẹ, còn cháu S đi làm xa sống cùng với cha nhưng không rõ địa chỉ nên áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị M.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Chị Trần Thị M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu

số 0008762, ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 28, 35, 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M.

Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Cao Văn Kh.

Về con chung: Giao cháu Cao Minh Tr, sinh ngày 04/7/2006 cho chị M và giao cháu Cao Minh S, sinh ngày 11/4/2004 cho anh Kh được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh chị được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản anh chị thực hiện quyền này.

Anh chị có quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008762, ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA Gò Quao;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thành Nghê